



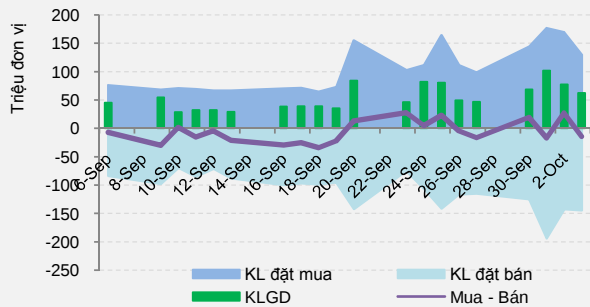
BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

Phiên giao dịch ngày: 3/10/2013

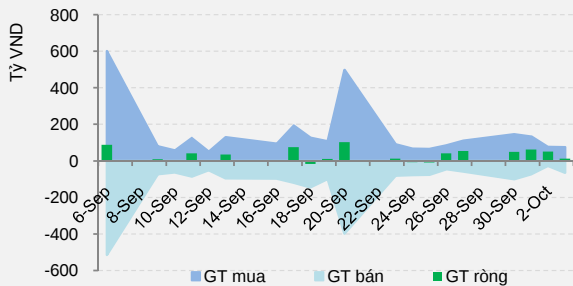
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	492.3	61.0
% Thay đổi	↓ -0.4%	↓ -0.1%
KLGD (CP)	62,671,326	37,704,405
GTGD (tỷ đồng)	810.03	274.73
Tổng cung (CP)	144,081,840	69,873,900
Tổng cầu (CP)	129,701,640	55,036,000

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	2,306,880	1,364,600
KL mua (CP)	2,614,850	865,200
GTmua (tỷ đồng)	76.39	6.16
GT bán (tỷ đồng)	63.45	9.61
GT ròng (tỷ đồng)	12.94	(3.45)

Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↓ -0.68%	7.4	1.5	1.9%
Công nghiệp	↓ -0.19%	71.6	1.1	18.1%
Dầu khí	↑ 0.08%	7.3	1.5	2.4%
Dịch vụ Tiêu dùng	↑ 0.46%	13.2	1.8	3.3%
Dược phẩm và Y tế	↑ 0.09%	8.7	2.9	1.8%
Hàng Tiêu dùng	↓ -0.53%	14.6	4.9	12.1%
Ngân hàng	↓ -0.54%	7.0	1.3	9.5%
Nguyên vật liệu	↓ -0.49%	9.1	2.0	11.5%
Tài chính	↓ -0.43%	16.2	2.4	29.6%
Tiền ích Cộng đồng	↓ -0.10%	9.4	3.4	9.9%
VN - Index	↓ -0.42%	12.9	2.9	74.7%
HNX - Index	↓ -0.08%	27.3	1.5	25.3%

Giao dịch tự doanh của các CTCK trên HOSE				
	Mua	%	Bán	%
KLGD (CP)	594,890	0.8%	652,460	0.8%
GTGD (tỷ VND)	17,994	1.7%	16,758	1.6%

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Nhận định: VN-Index giảm điểm trước áp lực cung giá cao tại ngưỡng cản 496 điểm, tương đương mốc 23.6% của dải Fibonacci Retracement của xu hướng tăng từ cuối năm 2012 đến tháng 6/2013. Biên độ dao động toàn thị trường hẹp, mức độ giảm điểm không nhiều, kết hợp với thanh khoản thấp không cho tín hiệu xấu về áp lực cung. Ngưỡng hỗ trợ của thị trường trong giai đoạn điều chỉnh này là khoảng 485-487 điểm.

Chỉ số HNX-Index đảo chiều giảm điểm khi tiến đến ngưỡng cản kỹ thuật của đường MA200. Mức độ giảm điểm nhẹ, KLGD tăng do tập trung vào một số cổ phiếu đột biến chưa cho tín hiệu xấu về xu hướng. Chúng tôi duy trì quan điểm về xu hướng tăng điểm tiếp nối của thị trường sau điều chỉnh.

Nhà đầu tư nên duy trì trạng thái danh mục hoặc tận dụng giai đoạn điều chỉnh để tái cơ cấu, ưu tiên cổ phiếu kỳ vọng KQKD Q3 khả quan.

- VN-Index giảm 2.09 điểm (0.42%), xuống 492.30 điểm. Áp lực cung tiếp tục tăng mạnh khi thị trường tăng đến mốc 496 điểm.

- HNX-Index giảm 0.05 điểm (0.08%), xuống 61 điểm.

- Theo HNX, trong tháng 9 Sở đã tổ chức 11 phiên đấu thầu trái phiếu Chính phủ, huy động được 10.7 nghìn tỷ đồng, tăng 55% khối lượng huy động của tháng 8. Lãi suất huy động của trái phiếu kỳ hạn 2 năm dao động trong khoảng 7.45-8.44%/năm, lãi suất trái phiếu 3 năm trong khoảng 7.8-8.7%/năm, 5 năm là 8.5-9.1%/năm, 10 năm là 8.9-9.2%/năm và 15 năm là 9%/năm. Diễn biến đấu thầu trái phiếu sôi động cho thấy tình hình thanh khoản dồi dào của hệ thống Ngân hàng. Về giao dịch của NĐTNN, khối ngoại mua ròng 1002 tỷ đồng trái phiếu Chính phủ trong tháng 9, sau 3 tháng bán ròng liên tiếp trước đó do lo ngại khả năng Mỹ thu hẹp quy mô gói nới lỏng định lượng. Diễn biến này giúp quy mô bán ròng trái phiếu trên TTCK Việt Nam của khối ngoại chỉ còn 864 tỷ đồng.

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã trình Chính phủ dự kiến phải phát hành thêm 285 nghìn tỉ đồng trái phiếu chính phủ (TPCP) ngoài kế hoạch đã được Quốc hội phê duyệt cho giai đoạn 2014-2016 để bổ sung vốn cho các dự án cấp bách và bổ sung vốn đối ứng cho các dự án hỗ trợ phát triển ODA, dự án hợp tác công-tư PPP. Với số vốn kế hoạch TPCP còn lại 2 năm 2014-2015 là 75 nghìn tỷ đồng, tổng lượng tiền đầu tư dự kiến trong giai đoạn 2014-2016 là 360 nghìn tỷ đồng.

- Theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về Chiến lược nợ công và nợ nước ngoài quốc gia giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn đến 2030, chỉ tiêu an toàn về nợ công và nợ nước ngoài của Việt Nam gồm các chỉ tiêu: Nợ công đến năm 2020 không quá 65% GDP, trong đó dự nợ Chính phủ không quá 55% GDP và nợ nước ngoài của quốc gia không quá 50% GDP; nghĩa vụ trả nợ trực tiếp Chính phủ (không kể cho vay lại) so với tổng thu NSNN hàng năm dưới 25% giá trị XK hàng hóa và dịch vụ; tỷ lệ dự trữ ngoại hối nhà nước so với tổng dự nợ nước ngoài ngắn hạn hàng năm trên 200%. Theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, kế hoạch tăng thêm trên vẫn đảm bảo an toàn nợ công, khi theo tính toán, với trần nợ công không quá 65%, mức phát hành TPCP lên tới khoảng 430 nghìn – 450 nghìn tỉ đồng. Tuy nhiên, hiệu quả sử dụng vốn vẫn là vấn đề quan trọng cần tính đến nhằm giảm thiểu rủi ro lạm phát, khi lượng tiền đầu tư xây dựng cơ bản từ NSNN dự kiến trong thời gian tới là không nhỏ.



VN-INDEX



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Tăng	Giảm	Đi ngang

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày

Short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần

Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- VN-Index giảm 2.09 điểm (0.42%), xuống 492.30 điểm. Áp lực cung tiếp tục tăng mạnh khi thị trường tăng đến mốc 496 điểm.

- KLGD giảm 18% so với phiên giao dịch trước, đạt 61 triệu đơn vị.

- Chỉ số RSI 14 giảm xuống mức 59.9 điểm, nhưng nhìn chung tâm lý tích cực tiếp tục duy trì. Đường MACD vẫn đang nới rộng khoảng cách ở phía trên đường tín hiệu, đã tăng lên trên mức 0, cho tín hiệu về xu hướng tăng điểm.

Nhận định: Áp lực cung giá cao tại ngưỡng cản 496 điểm, tương đương mốc 23.6% của dải Fibonacci Retracement của xu hướng tăng từ cuối năm 2012 đến tháng 6/2013 đẩy thị trường theo xu hướng điều chỉnh giảm. Biên độ dao động toàn thị trường hẹp, mức độ giảm điểm không nhiều, kết hợp với thanh khoản thấp không cho tín hiệu xấu về áp lực cung. Ngưỡng hỗ trợ của thị trường trong giai đoạn điều chỉnh này là khoảng 485-487 điểm. Chúng tôi duy trì quan điểm về xu hướng tăng điểm tiếp nối của thị trường sau điều chỉnh. Nhà đầu tư nên duy trì trạng thái danh mục hoặc tận dụng giai đoạn điều chỉnh để tái cơ cấu, ưu tiên cổ phiếu kỳ vọng KQKD Q3 khả quan.

HNX-INDEX



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Tăng	Giảm	Tăng

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày

short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần

Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- HNX-Index giảm 0.05 điểm (0.08%), xuống 61 điểm.

- KLGD tăng 39% so với phiên trước, đạt 34.7 triệu cổ phiếu, tập trung vào một số cổ phiếu chủ chốt như PVX, SHB.

- Chỉ số RSI14 giảm nhẹ xuống 56.2 điểm, tâm lý thị trường vẫn tích cực.

Nhận định: Chỉ số HNX-Index đảo chiều giảm điểm khi tiến đến ngưỡng cản kỹ thuật của đường MA200. Mức độ giảm điểm nhẹ, KLGD tăng do tập trung vào một số cổ phiếu đột biến chưa cho tín hiệu xấu về xu hướng. Chúng tôi duy trì quan điểm về xu hướng tăng điểm tiếp nối của thị trường sau điều chỉnh. Nhà đầu tư nên duy trì trạng thái danh mục hoặc tận dụng giai đoạn điều chỉnh để tái cơ cấu, ưu tiên cổ phiếu kỳ vọng KQKD Q3 khả quan.



LỘC CỔ PHIẾU

Dòng tiền đang có xu hướng quan tâm tới nhóm cổ phiếu có yếu tố cơ bản tốt, dự kiến KQKD Q3 khả quan.

Chúng tôi duy trì nhận định nhóm cổ phiếu Bluechips có nền tảng cơ bản tốt vẫn là cơ hội đầu tư đáng quan tâm trong năm 2013. Chúng tôi thống kê Top 10 mã cổ phiếu có KLGD bình quân > 50,000 cổ phiếu/phiên trong 1 tháng gần nhất, theo một số chỉ tiêu tài chính sau:

TOP CỔ PHIẾU CÓ KQKD 6 THÁNG HOÀN THÀNH KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN NĂM CAO NHẤT

STT	Mã	LNST Q2 (tỷ)	% so Q2.2012	6T/2013 (tỷ)	% so 6T/2012	% so KH 2013	BVPS (VND)	EPS (VND)	P/E	P/B	ROA (%)	ROE (%)
1	PPC	355.94	467.1%	1299.95	565.0%	387.6%	15,629	4,489	5.1	1.47	11.97	34.97
2	PVT	85.47	85.0%	129.28	48.2%	331.5%	11,344	461	12.14	0.49	1.32	4.19
3	HAP	20.22	481.0%	21.47	407.6%	159.0%	19,050	394	13.96	0.29	1.47	2.06
4	TLH	13.08	-30.4%	136.72	294.2%	135.1%	12,014	2,506	2.39	0.5	8.59	18.27
5	GLT	1.52	-64.9%	26.25	196.9%	134.8%	16,186	4,838	2.87	0.86	23.05	32.84
6	BTP	22.93	-66.6%	70.05	24.5%	130.2%	15,898	2,333	6.34	0.93	6.8	14.42
7	VND	67.48	127.5%	94.76	57.7%	125.1%	12,005	1,160	7.5	0.72	6.74	10.21
8	PGD	81.44	-71.4%	142.79	-62.7%	110.3%	24,424	(1,605)		1.1	-2.96	-6.77
9	NKG	14.98	672.2%	40.25	1185.9%	107.3%	10,142	(3,516)		0.95	-4.99	-31.78
10	VIP	11.54	-60.2%	123.63	252.7%	104.3%	16,481	2,694	2.71	0.44	7.94	17.88

TOP CỔ PHIẾU CÓ HỆ SỐ P/E THẤP NHẤT

STT	Mã	LNST Q2 (tỷ)	% so Q2.2012	6T/2013 (tỷ)	% so 6T/2012	% so KH 2013	BVPS (VND)	EPS (VND)	P/E	P/B	ROA (%)	ROE (%)
1	TLH	13.08	-30.4%	136.72	294.2%	135.1%	12,014	2,506	2.39	0.50	8.59	18.27
2	HLA	9.75	-8.4%	10.09	183.7%	29.2%	14,340	2,088	2.59	0.38	3.08	14.97
3	VIP	11.54	-60.2%	123.63	252.7%	104.3%	16,481	2,694	2.71	0.44	7.94	17.88
4	GLT	1.52	-64.9%	26.25	196.9%	134.8%	16,186	4,838	2.87	0.86	23.05	32.84
5	AAA	13.14	23.7%	30.35	17.0%	73.6%	#N/A	#N/A	2.98	0.49	7.01	12.70
6	FCN	36.34	52.8%	63.55	29.1%	53.0%	22,392	5,812	3.32	0.86	8.27	27.60
7	ITD	-3.11	-300.6%	6.56	108.3%	46.9%	17,027	1,111	3.33	0.22	2.10	6.72
8	SD6	11.74	70.9%	19.34	89.6%	46.8%	15,009	2,323	3.53	0.55	3.72	15.34
9	SD9	14.17	-16.9%	18.48	-29.6%	37.9%	18,366	2,270	3.66	0.45	2.96	12.45
10	PGS	45.92	178.0%	97.11	110.7%	53.7%	22,068	5,128	3.72	0.87	6.68	24.01

CỔ PHIẾU CÓ KQKD Q3 CAO NHẤT TRONG NĂM - GIAI ĐOẠN 2010-2012

STT	Mã	LNST Q2 (tỷ)	% so Q2.2012	6T/2013 (tỷ)	% so 6T/2012	% so KH 2013	BVPS (VND)	EPS (VND)	P/E	P/B	ROA (%)	ROE (%)
1	ECI	1.69	-1.2%	2.17	0.93%	57.9%	13,947	2,996	3.5	0.75	13.68	20.58
2	HAD	13.55	25.5%	16.3	25.1%	81.5%	31,683	8,309	4.5	1.17	20.78	26.70
3	HBE	-0.25	-13.6%	-0.28	-3.70%	#DIV/0!	10,726	84	48.8	0.38	0.44	0.77
4	IMP	20.24	-6.0%	40.93	-5.65%	52.0%	43,498	4,559	7.8	0.82	8.88	10.37
5	NIS	0.20	5.3%	0.28	-41.67%	8.2%	10,646	24	354.7	0.80	0.15	0.22
6	PIV	-0.27	12.9%	-0.56	-80.65%	#DIV/0!	8,471	(672)		0.38	(3.77)	(7.68)
7	QST	0.59	-13.2%	0.01	-95.00%	0.3%	10,373	1,748	5.5	0.93	7.61	15.50
8	SGD	2.14	8.1%	2.39	7.17%	53.1%	12,343	2,630	4.4	0.93	11.95	18.60
9	SJD	44.68	17.2%	62.81	23.21%	559.3%	17,855	4,488	3.9	0.99	16.07	24.92
10	STC	3.23	17.9%	4.26	16.71%	42.1%	15,093	2,622	4.5	0.78	10.00	16.05
11	TLG	34.05	19.4%	62.53	5.52%	56.8%	27,199	4,647	8.0	1.36	10.11	17.99
12	TRA	42.39	54.5%	76.36	62.71%	51.9%	38,338	6,692	12.6	2.19	13.84	29.42

Ghi chú: EPS, ROA và ROE tính theo dữ liệu bốn quý gần nhất

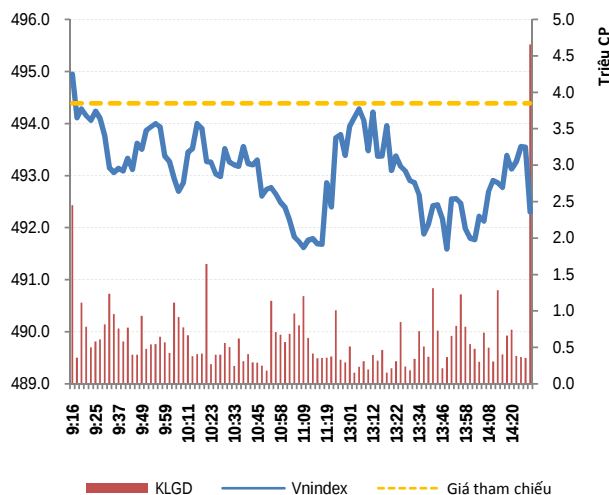
BV tính theo báo cáo tài chính quý gần nhất

Giá lấy theo giá đóng cửa ngày 03/10/2013.

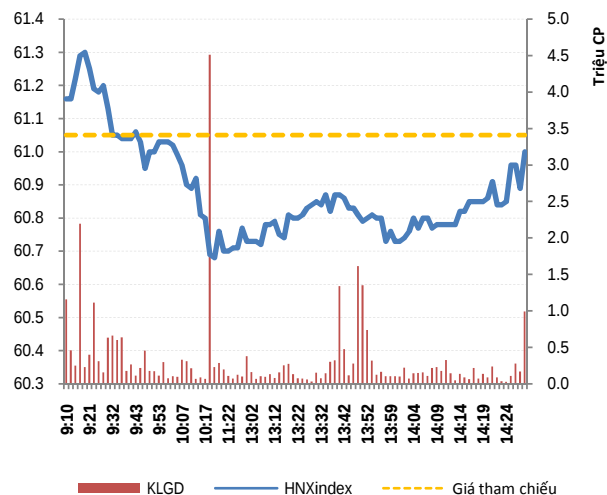


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

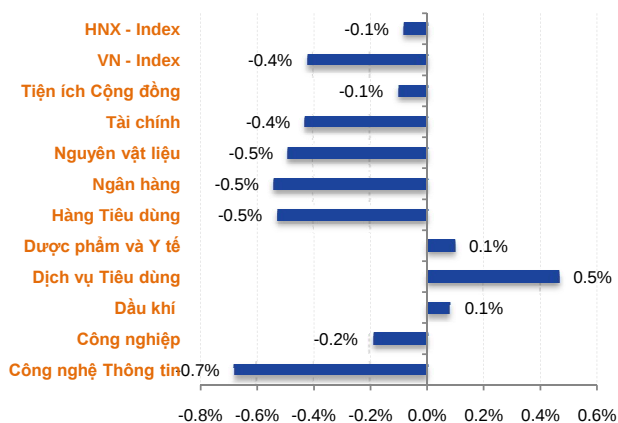
KLGD và VN-Index trong phiên



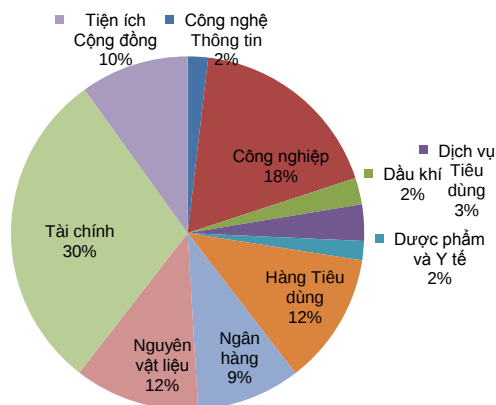
KLGD và HNX-Index trong phiên



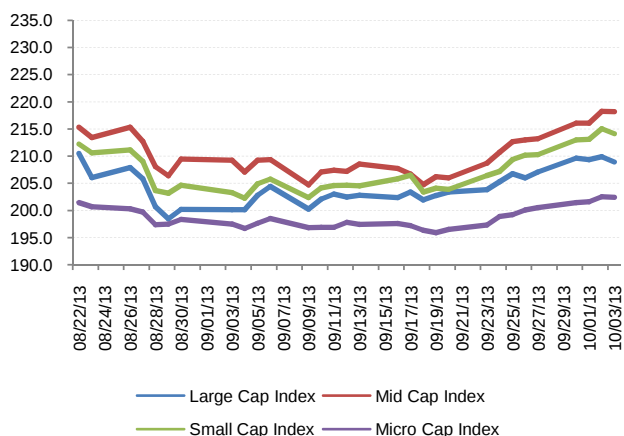
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



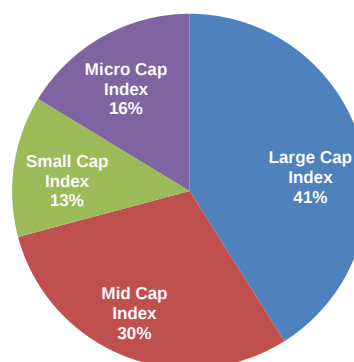
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ
Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ
Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	KBC	699,630	ITA	805,440
2	VCB	167,620	HPG	187,450
3	GAS	143,410	STB	92,240
4	FCN	107,000	HVG	90,810
5	CTG	101,080	OGC	62,360

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	EID	15,000	PVX	216,300
2	STP	8,600	SHB	161,700
3	ACB	6,000	PVS	65,200
4	IDJ	5,300	VCG	29,500
5	VGP	5,100	PGS	23,600

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
FLC	5.0	5.1	↑ 2.00%	5,324,450
ITA	6.2	6.2	→ 0.00%	4,231,710
IJC	7.6	7.6	→ 0.00%	2,832,900
HAR	5.8	6.1	↑ 5.17%	2,554,980
PVT	9.2	9.0	↓ -2.17%	2,537,910

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHB	6.7	6.9	↑ 2.34%	8,816,414
PVX	3.0	2.8	↓ -8.00%	6,532,548
SCR	6.0	5.9	↓ -2.22%	3,362,109
SHS	5.5	5.6	↑ 1.35%	1,967,700
VCG	9.0	9.0	↓ -0.09%	1,902,949

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
DTL	11.7	12.5	0.8	↑ 6.84%
DHC	7.4	7.9	0.5	↑ 6.76%
AGF	19.5	20.8	1.3	↑ 6.67%
AVF	6.0	6.4	0.4	↑ 6.67%
DRL	22.5	24.0	1.5	↑ 6.67%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
TH1	32.0	35.2	3.2	↑ 10.00%
VE4	8.0	8.8	0.8	↑ 10.00%
HBE	3.1	3.4	0.3	↑ 9.68%
AMC	21.9	23.9	2.0	↑ 9.13%
PHS	2.2	2.4	0.2	↑ 9.09%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PXM	1.1	1.0	-0.1	↓ -9.09%
ASIAGF	11.7	10.9	-0.8	↓ -6.84%
PDR	12.3	11.5	-0.8	↓ -6.50%
VNG	6.2	5.8	-0.4	↓ -6.45%
LGC	11.3	10.6	-0.7	↓ -6.19%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
NVC	0.6	0.5	-0.1	↓ -16.67%
GGG	0.8	0.7	-0.1	↓ -12.38%
PSG	0.7	0.6	-0.1	↓ -10.29%
VC6	7.0	6.3	-0.7	↓ -10.00%
FDT	31.4	28.3	-3.1	↓ -9.87%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
FLC	5,324,450	4.3%	661	7.7	0.3
ITA	4,231,710	0.3%	31	202.6	0.5
IJC	2,832,900	3.6%	390	19.5	0.7
HAR	2,554,980	4.4%	448	13.6	0.6
PVT	2,537,910	5.6%	630	14.3	0.8

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	8,816,414	-2.9%	(335)	-	0.6
PVX	6,532,548	-36.4%	(2,642)	-	0.5
SCR	3,362,109	-3.1%	(450)	-	0.4
SHS	1,967,700	1.8%	139	40.2	0.7
VCG	1,902,949	1.3%	150	59.9	0.8

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
DTL	↑ 6.8%	3.4%	537	23.3	0.9
DHC	↑ 6.8%	3.0%	402	19.7	0.6
AGF	↑ 6.7%	6.4%	2,922	7.1	0.4
AVF	↑ 6.7%	10.0%	1,647	3.9	0.4
DRL	↑ 6.7%	23.9%	2,921	8.2	2.1

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
TH1	↑ 10.0%	1.3%	338	104.1	1.4
VE4	↑ 10.0%	12.1%	1,741	4.6	0.6
HBE	↑ 9.7%	0.6%	67	50.6	0.3
AMC	↑ 9.1%	22.4%	3,199	7.5	1.7
PHS	↑ 9.1%	-29.0%	(1,699)	-	0.4

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
KBC	699,630	-10.2%	(1,412)	-	0.7
VCB	167,620	9.9%	1,785	15.5	1.6
GAS	143,410	41.6%	6,429	10.2	3.8
FCN	107,000	29.7%	4,750	3.5	0.7
CTG	101,080	19.2%	2,611	6.5	1.2

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
EID	15,000	17.9%	2,366	4.2	0.7
STP	8,600	1.9%	440	16.6	0.4
ACB	6,000	0.3%	41	385.7	1.2
IDJ	5,300	-0.3%	(27)	-	0.3
VGP	5,100	13.2%	2,609	6.7	0.9

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
GAS	124,123	41.6%	6,429	10.2	3.8
VNM	115,853	40.5%	7,699	18.1	6.8
VCB	64,192	9.9%	1,785	15.5	1.6
CTG	63,298	19.2%	2,611	6.5	1.2
MSN	59,937	3.9%	856	99.3	3.9

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	14,468	0.3%	41	385.7	1.2
SQC	8,602	5.8%	720	108.7	6.3
PVS	7,147	16.4%	2,738	5.8	1.0
SHB	6,025	-2.9%	(335)	-	0.6
OCH	4,800	6.5%	607	39.5	2.2

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
PXM	2.46	-1010.2%	(14,249)	-	(0.2)
TS4	2.40	7.9%	1,504	5.7	0.4
PPC	2.28	38.4%	5,411	3.8	1.3
PET	2.24	15.1%	2,689	8.0	1.2
GMD	2.16	4.7%	1,866	13.7	0.7

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
TTZ	3.92	1.3%	135	25.1	0.3
PVV	3.91	-24.8%	(2,293)	-	0.3
PVA	3.86	-108.8%	(6,781)	-	0.7
VCG	3.53	1.3%	150	59.9	0.8
HNM	3.42	3.4%	357	20.7	0.7



Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công đoàn, Số 01 Yết Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (84-4)-3818 1888
Fax: (84-4)-3818 1688

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Lầu 3, tòa nhà Artex, 236-238 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP.HCM
Tel: (84-8)-3915 1368
Fax: (84-8)-3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng

97 Lê Lợi, Hải Châu, Đà Nẵng
Tel: (84-511)-352 5777
Fax: (84-511)-352 5779

Website: www.shs.com.vn

Người thực hiện:

Đoàn Thị Ánh Nguyệt
nguyet.dta@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi [StoxPlus Corporation](#)